TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH TỈNH HẬU GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Trung Dũng

2. Ông Phạm Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị G. Có mặt

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Phan Đức X. Vắng mặt

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị G trình bày: bà và Ông Phan Đức X chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào ngày 15/11/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông X có người phụ nữ khác nên không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng

không thể hàn gắn được. Do đó, từ năm 2013, bà đã về nhà mẹ ruột ở và sống ly thân với ông X cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với Ông Phan Đức X.

Về con chung: quá trình chung sống có 01 con chung là Phan Đức Tr (giới tính: Nam), sinh ngày 06/02/2010. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý đến khi giải quyết vụ án, bị đơn Ông Phan Đức X vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông X vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Dương Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Phan Đức X và được quyền nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2*] Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn Ông Phan Đức X cư trú tại khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt:* Bị đơn Ông Phan Đức X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Dương Thị G và Ông Phan Đức X đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2013. Do đó, hôn nhân giữa bà G và ông X là hợp pháp. Bà G yêu cầu ly hôn với ông X là do ông X có người phụ nữ khác và không quan tâm chăm sóc vợ con. Do đó, sau

sáu tháng chung sống, bà G đã về nhà mẹ ruột ở và sống ly thân với ông X cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà G có tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không được. Vì vậy, bà G cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, ông X vẫn bỏ mặc và cũng không đến tòa án để trình bày ý kiến. Điều đó, chứng tỏ tình cảm của ông X đối với bà G cũng không còn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà G và ông X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G, cho bà G ly hôn với ông X là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung:* Quá trình chung sống bà G và ông X có 01 con chung là Phan Đức Tr (giới tính: Nam), sinh ngày 06/02/2010. Từ khi bà G và ông X ly thân đến nay, cháu Phan Đức Tr sống chung với bà G. Bà G có yêu cầu được nuôi con chung. Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2019, cháu Phan Đức Trung có nguyện vọng được sống chung với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Phan Đức Tr (giới tính: Nam), sinh ngày 06/02/2010 cho Bà Dương Thị G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho cháu Trung và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về cấp dưỡng:* Do bà G chưa có yêu cầu trong vụ án này nên Tòa án chưa xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà G trình bày không có và cũng không yêu cầu, ông X chưa có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Dương Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị G được ly hôn với Ông Phan Đức X.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Đức Tr (giới tính: Nam), sinh ngày 06/02/2010 cho Bà Dương Thị G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Đức X chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do Bà Dương Thị G chưa yêu cầu. Ông Phan Đức X có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn Bà Dương Thị G phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai số 0020299 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà G không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường III, thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Xuân Tình